

# ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ PHONG TRÀO ĐOÀN THANH NIÊN TẠI PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Lê Ngọc Diệp<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

## TÓM TẮT

Nghiên cứu tập trung về việc phân tích và đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên (SV) đối với phong trào Đoàn thanh niên (ĐTN) tại Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp Đồng Nai (PH ĐHLN). Kết quả phân tích nhân tố khám phá (Exporatory Factor Analysis – EFA) cho việc điều tra 200 đối tượng là SV (từ năm thứ nhất đến năm thứ 3 hệ chính quy) đang học tập tại PH ĐHLN đã chỉ ra các nhân tố: (1): Sự hỗ trợ của nhà trường/khoa, (2): Nội dung, chương trình, (3): Năng lực của cán bộ Đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng của SV về phong trào ĐTN tại PH ĐHLN. Mối quan hệ giữa biến phụ thuộc (Sự hài lòng) và các biến độc lập được thể hiện trong phương trình hồi quy:  $HL = -1,061E-16 + 0,418*NALUC + 0,447*ND + 0,462*HOTRO$ . Dựa vào kết quả nghiên cứu, đánh giá thực trạng và phân tích nguyên nhân, một số giải pháp đã được đề xuất nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN nói riêng và các trường đại học, cao đẳng nói chung. Các giải pháp này bao gồm: (1) Cần có sự quan tâm, tạo điều kiện nhiều hơn từ phía nhà trường/Khoa chuyên môn; (2) Chú trọng nhiều hơn đến nội dung và chất lượng của các chương trình, hoạt động; (3) Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ Đoàn.

**Từ khóa:** Phân hiệu Trường ĐH Lâm nghiệp, phân tích nhân tố khám phá, phong trào Đoàn thanh niên, sự hài lòng của sinh viên.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh viên (SV) là một bộ phận thanh niên có tri thức, có trình độ học vấn cao và cũng chính là những người đóng vai trò chủ chốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Đại bộ phận sinh viên khi tham gia học tập tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam đều hiểu rõ học tập là con đường tiến tới thành công một cách vững chắc nhất.

Tuy nhiên, bên cạnh một bộ phận SV có ý thức trong học tập, nhận thức được vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động của Đoàn thanh niên (ĐTN) thì còn một bộ phận không nhỏ SV chưa có mục tiêu trong học tập và rèn luyện, cũng như còn bộ phận SV chưa nhận thức được vai trò quan trọng của các kỹ năng mềm, không tích lũy trong từng năm học mà chỉ tập trung vào việc học tập, thờ ơ với các hoạt động của lớp, khoa, trường.

Giải pháp “*Ứng dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về phong trào đoàn thanh niên tại Phân*

*hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp*” sẽ góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của ĐTN tổ chức cho SV tham gia tại một số trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài viết trên cơ sở ứng dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của SV về phong trào ĐTN tại PH ĐHLN. Từ đó đưa ra một số ý kiến đề xuất góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của ĐTN tại PH ĐHLN nói riêng và các trường đại học, cao đẳng nói chung.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Dung lượng mẫu chính thức: Phương pháp phân tích dữ liệu chính được sử dụng cho nghiên cứu này là phân tích trên mô hình cấu trúc tuyến tính. Để đạt được ước lượng tin cậy cho phương pháp này, mẫu thường phải có dung lượng  $n > 2000$  (theo Hoelter, 1983, được trích dẫn từ Nguyễn Đình Thọ, 2010). Dựa theo kinh nghiệm (Bollen, 1989 trích dẫn từ

Nguyễn Khánh Duy, 2009). Với tối thiểu là 5 mẫu (tốt nhất là từ 10 trở lên) cho một tham số ước lượng, mô hình lý thuyết có 21 tham số cần ước lượng (Bảng 2). Mô hình đa nhóm có 21 tham số cần ước lượng, do đó kích thước mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu chính thức là 105 (5\*21). Tuy nhiên để đảm bảo tính chính xác của số liệu, số lượng mẫu trong nghiên cứu này được thực hiện là n = 200 vì

vậy tính đại diện của mẫu đảm bảo cho việc phân tích.

Các đặc trưng cơ bản của mẫu điều tra như: Giới tính, Dân tộc, sinh viên năm; Khoa chuyên môn; Đối tượng Đảng viên/ đoàn viên; chức vụ trong lớp; Tính cách; Công việc làm thêm; Tự nhận xét về thời gian học tập; Mức độ tham gia công tác Đoàn... được thể hiện qua bảng 1.

**Bảng 1. Đặc trưng cơ bản của mẫu điều tra**

Tiêu chí		Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí		Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
<b>Giới tính</b>	Nam	101	50,5	<b>Tự đánh giá về thời gian học tập</b>	Rất hợp lý	15	7,5
	Nữ	99	49,5		Hợp lý	55	27,5
<b>Dân tộc</b>	DT Kinh	185	92,5		Bình thường	120	60,0
	DT khác	15	7,5		Không hợp lý	9	4,5
<b>Sinh viên năm thứ</b>	Năm nhất	48	24,0	Rất không hợp lý	1	0,5	
	Năm hai	64	32,0	Không quan tâm	11	5,5	
	Năm ba	88	44,0	Biết nhưng không tham gia	20	10,0	
<b>Khoa</b>	K.Kinh tế	50	25,0	Thỉnh thoảng tham gia	118	59,0	
	K.TN&MT	50	25,0	Tham gia thường xuyên	35	17,5	
	K.Nông học	40	20,0	Tham gia rất thường xuyên và tích cực	16	8,0	
	K.Lâm học	40	20,0	Không	105	52,5	
	K.CN&KT	20	10,0	CLB Tình nguyện	36	18,0	
<b>Đảng viên/ Đoàn viên</b>	Đảng viên	5	2,5	CLB Môi trường xanh	23	11,5	
	Đã học lớp BDKN Đảng	29	14,5	CLB Tiếng anh	14	7,0	
	Đoàn viên	163	81,5	CLB Văn nghệ xung kích	6	3,0	
	Chưa KN Đoàn	3	1,5	CLB Võ thuật	1	0,5	
<b>Chức vụ</b>	Cán sự lớp	60	30,0	CLB khác	15	7,5	
	Ban chấp hành CĐ	33	16,5	<b>Tham gia các cuộc thi do ĐTN tổ chức</b>	Chưa từng	96	48,0
	Khác	107	53,5	1 lần	49	24,5	
<b>Tính cách</b>	Hướng nội	107	53,5	Nhiều lần	55	27,5	
	Hướng ngoại	93	46,5	<b>Tham gia đề tài NCKH</b>	Chưa từng	184	92,0
<b>Làm thêm</b>	Có	119	59,5	1 lần	16	8,0	
	Không	81	40,5	Nhiều lần	0	0	

**2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu**

- Thông tin thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn: Các văn kiện đại hội Đoàn các cấp, các văn bản quản lý nhà nước về công tác Đoàn, Hội, qua các báo cáo, tài liệu của Đoàn thanh niên PH ĐHLN, các số liệu được thống kê từ phòng chính trị CTSV, phòng Đào tạo; các ấn phẩm, tạp chí chuyên ngành, internet...

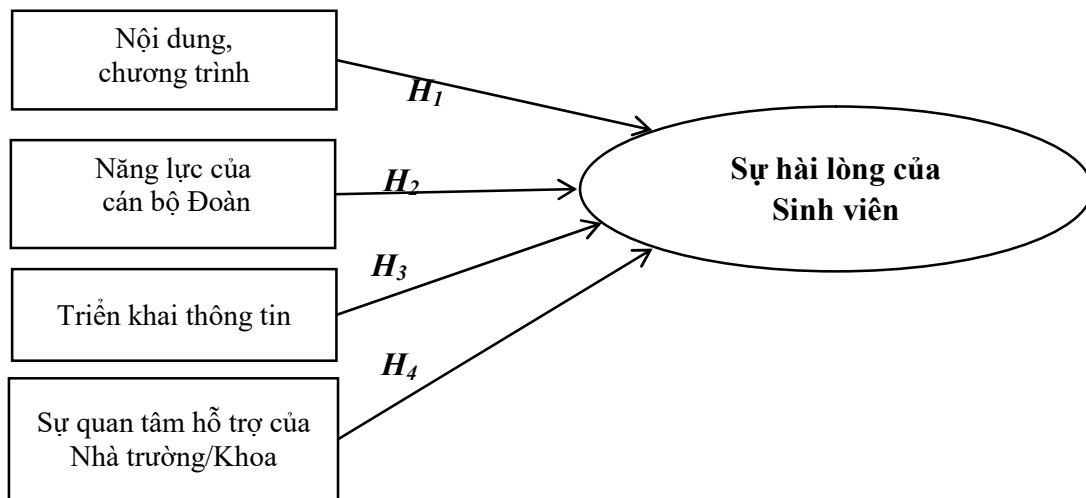
- Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên với bảng câu hỏi khảo sát các đối tượng là SV (Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3 - hệ chính quy) đang học tập tại PH ĐHLN.

**2.2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu**

Sau khi xác định được thực trạng, tìm hiểu được nguyên nhân, tác giả tiến hành trao đổi lại với lãnh đạo trường, lãnh đạo Đoàn thanh niên để biết được những thuận lợi, khó khăn thì từ đó các đưa ra các đề xuất khắc phục.

**2.2.4. Phương pháp xử lý, phân tích**

Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng



**Hình 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của SV về chất lượng hoạt động Đoàn tại PH ĐHLN**

Trong nghiên cứu các biến quan sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và chi tiết được mô tả trong bảng 2. Bảng 2 cho thấy có 4 nhóm thang đo tiềm năng ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng hoạt động Đoàn; và 1 thang đo 4 chỉ tiêu đại diện cho sự hài lòng của SV.

Nghiên cứu sử dụng phần mềm phân tích thống kê SPSS 23.0 cho áp dụng phân tích

đến sự hài lòng của SV về phong trào ĐTN tại PH ĐHLN được xây dựng như sau:

$$HL = \beta_0 + \beta_1NOI DUNG+ \beta_2NALUC+ \beta_3THTIN + \beta_4 HOTRO$$

Trong đó: HL: hài lòng; NOIDUNG: Nội dung; NALUC: Năng lực; THTIN: Thông tin; HOTRO: Hỗ trợ;  $\beta_i$ : Hệ số hồi quy của các biến số.

**Các giả thuyết của đề tài**

- H<sub>1</sub>: Nội dung các chương trình, hoạt động càng phong phú và phù hợp thì SV đánh giá chất lượng hoạt động Đoàn càng cao;

- H<sub>2</sub>: Năng lực của cán bộ Đoàn càng tốt thì SV đánh giá chất lượng hoạt động Đoàn càng cao;

- H<sub>3</sub>: Cách thức triển khai thông tin các hoạt động càng kịp thời với nhiều hình thức khác nhau càng tốt thì SV đánh giá chất lượng hoạt động Đoàn càng cao;

- H<sub>4</sub>: Nhà trường/Khoa càng tạo điều kiện hỗ trợ về lịch học, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động Đoàn càng nhiều thì SV đánh giá chất lượng hoạt động Đoàn càng cao;

nhân tố khám phá EFA cho việc xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến sự hài lòng của SV tới hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN. Kết quả của phân tích nhân tố khám phá EFA làm cơ sở cho việc đề xuất một số ý kiến góp phần nhằm nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn và phong trào ĐTN tại Nhà trường.

**Bảng 2. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về hoạt động Đoàn**

STT	Ký hiệu	TIÊU THỨC
<b>I</b>		
<b>Nội dung, chương trình</b>		
1	ND1	Độ phong phú của các hoạt động
2	ND2	Phù hợp với nhu cầu của SV
3	ND3	Phù hợp với năng lực
4	ND4	Mức độ thành công của các hoạt động
5	ND5	Tác động của các phong trào, hoạt động tới kỳ năng mềm của SV
<b>II</b>		
<b>Triển khai thông tin</b>		
1	THTIN1	Các thông tin về phong trào, hoạt động bảo đảm sự kịp thời, chính xác
2	THTIN2	Các kênh thông tin triển khai đa dạng, phù hợp với SV (LCĐ, CĐ, FB, Zalo...)
<b>III</b>		
<b>Năng lực của cán bộ Đoàn</b>		
1	NL1	CB Đoàn luôn nhanh nhẹn, nhiệt tình
2	NL2	CB Đoàn quan tâm đến nguyện vọng của ĐV-TN
3	NL3	CB Đoàn có tinh thần trách nhiệm đối với lớp
4	NL4	CB Đoàn có cách thức tổ chức, quản lý tốt
5	NL5	CB Đoàn tạo được lòng tin cho ĐV-TN
6	NL6	CB Đoàn có mối liên hệ chặt chẽ với Đoàn cấp trên
<b>IV</b>		
<b>Sự quan tâm hỗ trợ của Nhà trường/Khoa</b>		
1	HOTRO1	Nhà trường/Khoa tạo điều kiện về thời gian, bố trí lịch học phù hợp
2	HOTRO2	Nhà trường/Khoa hỗ trợ về vật chất, kinh phí hoạt động
3	HOTRO3	Nhà trường/Khoa quan tâm đến nguyện vọng của sinh viên
4	HOTRO4	Nhà trường/Khoa giải quyết nhanh các yêu cầu chính đáng có liên quan đến hoạt động Đoàn và phong trào TN
<b>V</b>		
<b>Sự hài lòng</b>		
1	HALO1	Bạn có hài lòng về nội dung, chương trình của các hoạt động Đoàn, phong trào TN tại trường
2	HALO2	Bạn có hài lòng về cách thức triển khai các hoạt động của ĐTN
3	HALO3	Bạn có hài lòng về năng lực, thái độ của cán bộ Đoàn
4	HALO4	Bạn có hài lòng về sự quan tâm, hỗ trợ từ phía nhà trường/khoa trong hoạt động, công tác Đoàn và phong trào TN

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kết quả phân tích mô hình dựa trên phân tích nhân tố khám phá

##### 3.1.1. Kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha và phương pháp nhân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis). Yêu cầu để thang đo được chấp nhận là loại bỏ các

biến có hệ số tương quan biến tổng (item – total correlation) nhỏ hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0,6. Hơn nữa trong phân tích nhân tố khám phá EFA, những biến có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) nhỏ hơn 0,5 sẽ bị loại khỏi thang đo vì có tương quan kém với nhân tố tiềm ẩn (khái niệm đo lường). Bước cuối cùng là kiểm định mô hình bằng phương pháp hồi quy đa biến với mức ý nghĩa thống kê 5%.

**Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha**

STT	Nhóm biến	Số biến	Cronbach Alpha
1	Nội dung, chương trình (ND)	5	0,871
2	Thông tin (THTIN)	2	0,773
3	Năng lực (NALUC)	6	0,913
4	Hỗ trợ (HOTRO)	4	0,859

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo ở bảng 3 ta thấy hệ số của tổng thể các điều lớn hơn 0,6. Như vậy hệ thống thang đo được xây dựng gồm 5 thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 17 biến số đặc trưng.

**3.1.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá - EFA**

*a. Kiểm định tính thích hợp của EFA*

Trong Bảng 4 ta có KMO = 0,909 thỏa mãn điều kiện  $0,5 < KMO < 1$ , như vậy phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế.

**Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett's Test**

KMO and Bartlett's Test		
	Hệ số KMO	0,909
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	2165,520
	Df	136
	Sig.	0,000

*b. Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thước đo đại diện*

Trong bảng 4 ta thấy kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0,05, như vậy các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

*c. Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố*

Cột Cumulative của bảng 5 cho biết trị số phương sai trích là 66,269% điều này có nghĩa 66,269% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát.

**Bảng 5. Tổng phương sai được giải thích (Total Variance Explained)**

Thành phần	Total Variance Explained								
	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Tổng	% phương sai	Phương sai trích (%)	Tổng	% phương sai	Phương sai trích (%)	Tổng	% phương sai	Phương sai trích (%)
1	8,132	47,834	47,834	8,132	47,834	47,834	4,290	25,233	25,233
2	1,775	10,438	58,272	1,775	10,438	58,272	3,930	23,116	48,350
3	1,359	7,997	66,269	1,359	7,997	66,269	3,046	17,919	66,269
4	0,896	5,271	71,539						
5	0,689	4,052	75,592						
6	0,608	3,578	79,169						
7	0,494	2,907	82,077						
8	0,481	2,831	84,908						
9	0,424	2,495	87,402						
10	0,402	2,366	89,768						
11	0,350	2,058	91,826						
12	0,335	1,972	93,798						
13	0,290	1,703	95,501						
14	0,221	1,301	96,802						
15	0,210	1,234	98,037						
16	0,182	1,068	99,104						
17	0,152	0,896	100,000						

**d. Kết quả của mô hình**

Qua kiểm định chất lượng thang đo và kiểm định của mô hình EFA, nhận diện có 3 thang đo đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến sự

hài lòng về hoạt động ĐTN và 1 thang đo đại diện sự hài lòng của SV đối với chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN (Bảng 6).

**Bảng 6. Mô hình điều chỉnh qua kiểm định Crobach Alpha và phân tích nhân tố khám phá**

STT	Thang đo	Biến đặc trưng	Giải thích thang đo
1	NALUC (F1)	NALUC1, NALUC2, NALUC3, NALUC4, NALUC5, NALUC6	Năng lực
2	ND (F2)	ND1, ND2, ND3, ND4, ND5, ND6	Nội dung, chương trình
3	HOTRO (F3)	HOTRO1, HOTRO2, HOTRO3, HOTRO4	Hỗ trợ của trường/khoa
4	HL	HL	Sự hài lòng

**e. Phân tích hồi qui đa biến**

Để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của SV đối với chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN, mô hình tương quan tổng thể có dạng:

$$HL=f(F1, F2, F3, F4)$$

Trong đó: HL: Biến phụ thuộc; F1, F2, F3, F4: Biến độc lập.

Việc xem xét trong các yếu tố F1

đến F4, yếu tố nào thật sự tác động đến sự hài lòng của SV đối với chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN một cách trực tiếp sẽ thực hiện được bằng phương trình hồi qui tuyến tính:

$$HL= \beta_0+\beta_1F_1 + \beta_2F_2 + \beta_3F_3 + \beta_4F_4$$

Trong đó, các biến đưa vào phân tích hồi qui được xác định bằng cách tính điểm của các nhân tố (Factor score).

**Bảng 7. Tóm tắt mô hình (Model Summary)**

Biến độc lập	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa (B)	Giá trị t	Mức ý nghĩa thống kê (P-value)	VIF	Hệ số hồi qui chuẩn hóa (Beta)	Giá trị tuyệt đối của Beta	Mức độ đóng góp của các biến (%)	Tầm quan trọng của các biến
(Constant)	-1,061E-16	0,000	1,000	1,000				
F1	0,418	9,107	0,000***	1,000	0,418	0,418	31,500	3
F2	0,447	9,740	0,000***	1,000	0,447	0,447	33,685	2
F3	0,462	10,077	0,000***	1,000	0,462	0,462	34,815	1
<b>Tổng</b>						<b>1,327</b>	<b>100,0</b>	

Biến số phụ thuộc: HL - Sự hài lòng của SV

Dung lượng mẫu quan sát

200

Hệ số R<sup>2</sup>

0,588

Hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh

0,581

Durbin Watson

2,029

Chi chú: \*\*\* Mức ý nghĩa < 0,001, \*\* Mức ý nghĩa < 0,05, \* Mức ý nghĩa < 0,10 (Kiểm định 2 phía)

Trong bảng 7, hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh 0,581. Như vậy, 58,1% sự thay đổi về sự hài lòng của sinh viên về chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình.

Kết quả ở 7 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10, như vậy mô hình hồi qui không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin Watson (1 < d = 2,029 < 3), như vậy mô hình hồi qui không có hiện

tượng tự tương quan.

Trong bảng 7, với mức ý nghĩa Sig. < 0,01 của kiểm định F, có thể kết luận rằng mô hình đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc và với mức độ tin cậy 99%.

Cột mức ý nghĩa ở bảng 7 cho thấy tất cả các biến từ F1 đến F3 có mức ý nghĩa thống kê > 0,05. Như vậy, tất cả các nhân tố F1 đến F3

có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng của SV về chất lượng hoạt động ĐTN với độ tin cậy 95%.

*f. Thảo luận kết quả hồi quy*

Từ kết quả mô hình hồi quy cho thấy, mối quan hệ giữa biến phụ thuộc (Sự hài lòng) và 3 biến độc lập được thể hiện trong phương trình hồi quy sau:

$$HL = -1,061E-16 + 0,418F1 + 0,447F2 + 0,462F3$$

Các biến F1, F2, F3 có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc HL. Để xác định mức độ ảnh hưởng của các biến số độc lập ta xác định hệ số hồi quy chuẩn hóa. Các hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa có thể chuyển đổi dưới dạng phần trăm được thể hiện trong bảng 7.

Qua kết quả bảng 7 ta thấy thứ tự tầm quan trọng của các biến số ảnh hưởng đến sự hài lòng như sau: Cao nhất là F3 “Sự hỗ trợ của trường/Khoa” (46,2%); tiếp đến là F2 “Nội dung, chương trình” (44,7%); và thấp nhất là F1 “Năng lực của cán bộ Đoàn” (41,8%).

Thông qua các kiểm định có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của SV đối với chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN lần lượt là: (1) “Sự hỗ trợ của trường/Khoa”, (2) “Nội dung, chương trình”, (3) “Năng lực của cán bộ Đoàn”.

**3.2. Gợi mở các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động ĐTN ở PH ĐHLN**

Trong những năm gần đây, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhu cầu tương tác giải trí truyền thông phát triển mạnh thông qua các thiết bị Smartphone, mạng xã hội, ảnh hưởng của nhiều loại hình văn hóa giải trí khác nhau nên đã ảnh hưởng đến một bộ phận không nhỏ giới trẻ, thụ động, chưa tích cực nhiệt tình.

Theo kết quả khảo sát trên, có tới 59,5% SV được phỏng vấn đi làm thêm ngoài giờ với nhiều ngành nghề dịch vụ trên địa bàn như: dạy thêm, phụ quán ăn, quán cà phê... Mặt khác trong giai đoạn gần đây, trên địa bàn thị trấn Trảng Bom, các giao dịch bất động sản đang tạo ra cơn sốt đất, nhiều ĐV-TN (đoàn

viên thanh niên) nhà trường tham gia hoạt động môi giới bất động sản dẫn đến chưa quan tâm và tham gia vào các hoạt động chung, công tác đoàn thể. Những tác động tiêu cực của đời sống xã hội đã ảnh hưởng không nhỏ đến ý thức, tâm lý, tư tưởng, sự nhiệt tình của đoàn viên, sinh viên, thậm chí cả với cán bộ đoàn khi tham gia các hoạt động đoàn thể.

Tập thể cán bộ Đoàn chưa nắm bắt hết được hết tâm tư nguyện vọng của Đoàn viên, sinh viên trong việc tham mưu các hoạt động cấp trường.

Lịch học của sinh viên thường xuyên thay đổi, chưa có sự thống nhất trong sinh viên, sinh viên không chủ động trong việc tham gia các hoạt động.

BCH Đoàn cấp cơ sở chưa chủ động, nhạy bén trong việc ổn định tổ chức BCH Chi đoàn khóa mới; Kỹ năng nghiệp vụ công tác đoàn của cán bộ đoàn còn hạn chế nhiều mặt, cụ thể là trong việc ban hành soạn thảo văn bản, các chế độ báo cáo ở các cấp bộ đoàn chưa kịp thời.

Kinh phí nhà trường/khoa hỗ trợ cho các hoạt động của Đoàn thanh niên còn chưa nhiều, quy trình thanh toán phức tạp, làm các hoạt động Đoàn cũng gặp nhiều khó khăn.

Dựa vào kết quả phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng hoạt động Đoàn có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn và phong trào TN như sau:

*3.2.1. Cần sự quan tâm, tạo điều kiện nhiều hơn nữa từ phía Nhà trường/Khoa chuyên môn*

Nhà trường, khoa chuyên môn cần quan tâm tạo điều kiện nhiều hơn về cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động Đoàn. Bởi hiện nay, nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động trong trường cho SV còn khá eo hẹp.

Về điều kiện thời gian, lịch học, cần có sự sắp xếp phù hợp hơn. Bên cạnh đó, bản thân các bạn SV cần phải biết cân bằng giữa học tập và tham gia hoạt động.

Ngoài ra, qua khảo sát thì đây là nhân tố có

tác động cao nhất đến mức độ hài lòng của các bạn sinh về hoạt động ĐTN, từ đó Nhà trường, thầy cô nên tạo điều kiện khi các bạn SV tham gia các hoạt động (các hoạt động lớn của khoa/trường).

Đối với các khoa chuyên môn cần tổ chức thêm nhiều hoạt động ngoại khóa để nâng cao kiến thức về ngành học.

### *3.2.2. Chú trọng nhiều hơn nữa đến nội dung và chất lượng của các chương trình, hoạt động*

Các chương trình, hoạt động Đoàn cần phải nghiên cứu kỹ và đầu tư chuyên sâu về mặt nội dung để phù hợp hơn với năng lực của SV, với nhu cầu mà SV mong muốn.

Đồng thời các hoạt động phải mang tính sáng tạo không ngừng, thu hút được giới trẻ để các bạn không cảm thấy nhàm chán.

Kết quả của chương trình, hoạt động sau khi kết thúc phải mang tinh thần lan tỏa vào ý thức của SV, tác động trực tiếp tới nhận thức, quan điểm, nâng cao các kỹ năng mềm của SV.

### *3.2.3. Nâng cao hơn nữa năng lực của cán bộ Đoàn*

Cán bộ Đoàn nên có thêm các lớp tập huấn kỹ năng để nâng cao kiến thức về hoạt động Đoàn đồng thời có thêm các kỹ năng về truyền lửa, quản trò, tổ chức teambuilding, xây dựng những chương trình mới.

Cán bộ Đoàn cần nắm bắt nhanh, hiểu rõ hơn nữa về tâm lý, tâm tư, nguyện vọng của ĐV-TN mình quản lý từ đó đề xuất các nội dung hoạt động, chương trình phù hợp với SV.

Đối với cán bộ Đoàn cấp Liên chi và chi đoàn, cần có những lớp tập huấn chuyên đề về các giải pháp cơ bản trong xử lý công tác Đoàn vụ dành cho cán bộ Đoàn chủ chốt.

### *3.2.4. Một số giải pháp khác*

Ngoài những giải pháp nêu trên căn cứ vào phiếu sát sinh viên một số góp ý nổi bật được bổ sung như sau:

- Đối với các bạn SV thường xuyên tham gia và tham gia tích cực trong hoạt động Đoàn và phong trào SV cần có những phần thưởng xứng đáng hơn nữa. Cơ cấu điểm rèn luyện cần

bổ sung và chú trọng nhiều hơn cho các SV tham gia tích cực này.

- Cấp giấy chứng chỉ khi tham gia các hoạt động rèn luyện, tập huấn kỹ năng.

- Nhà trường cần hỗ trợ thêm cho các CLB.

- Các hoạt động nên có kế hoạch tổ chức sớm để thông báo đến các bạn sinh viên và liên tục nhắc nhở qua các bài đăng từ các trang truyền thông của trường.

- ĐTN cần có nhiều kênh thông tin tới ĐV-TN hơn nữa để phù hợp với thời đại công nghệ số 4.0 như thông qua các mạng xã hội Facebook, Zalo, Wechat, Instagram, Twitter...

## **4. KẾT LUẬN**

Việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự hài lòng của SV đối với chất lượng hoạt động ĐTN tại PH ĐHLN là rất cấp thiết sẽ giúp tổ chức Đoàn phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn tại đơn vị. Nghiên cứu này có mục tiêu xây dựng và kiểm định mô hình biểu thị mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng hoạt động Đoàn và phong trào TN.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi cho 200 SV hệ chính quy đang học tập và rèn luyện tại PH ĐHLN và đã sử dụng các mô hình phân tích nhân tố khám phá cho việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến sự hài lòng của SV, bao gồm: Sự hỗ trợ của trường/Khoa; Nội dung, chương trình; Năng lực của cán bộ Đoàn. Trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng, một số giải pháp cũng đã được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng hoạt động ĐTN theo thứ tự ưu tiên của các giải pháp theo mức độ ảnh hưởng của các nhân tố. Những giải pháp này có thể góp phần hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động Đoàn tại đơn vị nhằm mục tiêu nâng cao tác động của hoạt động Đoàn tới nhận thức về học tập, rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên thời đại mới.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cronin, J. J., Taylor, S. A. (1992). *Measuring service quality: a reexamination and extension*, Journal of Marketing, 6. (55-68)
2. Joseph F. Hair, Jr./William C. Black/Barry J. Babin/Rolph E. Anderson (2014). *Multivariate Data Analysis*, Seventh Edition.
3. Dương Xuân Lâm (2015). *Nghiên cứu thực trạng và giải pháp phát triển công tác đoàn và Phong trào*

*Đoàn thanh niên - Hội sinh viên tại Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên. Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.*

4. Phạm Thành Khánh (2010). *Tổ chức hoạt động phong trào cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình*. Luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

5. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Thống kê.

## USING EXPLORATORY FACTOR ANALYSIS TO IDENTIFY FACTORS INFLUENCING ON SATISFACTION OF STUDENTS TO YOUTH UNION MOVEMENTS AT VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF FORESTRY - SOUTHERN CAMPUS

Le Ngoc Diep<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Vietnam National University of Forestry – Southern campus*

### SUMMARY

The study focused on analyzing and assessing student satisfaction with the Youth Union movement in Vietnam National University of Forestry - Southern campus (VNUF2). The results of Exploratory Factor Analysis (EFA) for the survey of 200 students who are students (from the first year to the third year of the full-time mode) studying at VNUF2 indicated that factors (1): The support of the university/faculty, (2): Content, program, (3):The capacity of Youth Union officials significantly influenced satisfaction of student about Youth Union movement in VNUF2. Relationship between student's satisfaction and influential factors is presented as the following equation:  $HL = -1,061E-16 + 0,418*NALUC + 0,447*ND + 0,462*HOTRO$ . Based on the research results, assessing the situation and cause analysis, a number of solutions have been proposed to contribute to improving the quality of Youth Union activities in VNUF2 in particular and universities, colleges in general. These solutions included: (1) Need more attention, create more conditions from the university/faculty; (2) Pay more attention to the content and quality of programs and activities; (3) Strengthen training and capacity building for Youth Union Officers.

**Keywords:** Exploratory factor analysis (EFA), satisfaction of students, Vietnam National University of Forestry – Southern campus, Youth Union movements.

Ngày nhận bài : 23/10/2019  
Ngày phản biện : 25/11/2019  
Ngày quyết định đăng : 05/12/2019